

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đức Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang T, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 11/4/2025, quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giữa vợ chồng sống chung không hợp, không có tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, ông T cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, giữa ông T và bà L có 03 con chung tên Lê Thị Huỳnh L1, sinh năm 1997; Lê Thị Huỳnh M, sinh năm 2002 và Lê Huỳnh Quang T1, sinh ngày 24/01/2009. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Quang T1, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Lê Thị Huỳnh L1 và Lê Thị Huỳnh M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn ông T cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 11/4/2025; Bản sao căn cước công dân căn cước công dân; Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 03 bản sao giấy khai sinh; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ giao chứng cứ của nguyên đơn; đơn yêu cầu không hòa giải.

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn bà L trình bày:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để bà L biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà L được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án: Tại Biên bản xác minh ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với Ban lãnh đạo ấp K, xã A, huyện D xác định được: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã A, huyện D nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Bà L đi một thời gian ngắn rồi quay về, sau đó lại đi tiếp, đi đâu, làm gì thì không rõ. Có nghe thông tin bà L mắc nợ nhiều người nhưng cụ thể như thế nào thì không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố

tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với bà L. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn bà L có nơi cư trú tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện D vào ngày 24/12/2008 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo ông T, giữa vợ chồng sống chung không hợp, không có tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Theo kết quả xác minh của Tòa án thể hiện: Bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã A, huyện D nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương; bà L đi một thời gian ngắn rồi quay về, sau đó lại đi tiếp, đi đâu, làm gì thì không rõ; có nghe thông tin bà L mắc nợ nhiều người nhưng cụ thể như thế nào thì không biết. Bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến của mình cho Tòa án nên không ghi nhận ý kiến trình bày. Xét thấy, ông T không còn muốn chung sống với bà L, bà L thường xuyên bỏ nhà đi, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà L theo quy định tại các Điều 19 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa ông T và bà L có 03 con chung tên Lê Thị Huỳnh L1, sinh năm 1997; Lê Thị Huỳnh M, sinh năm 2002 và Lê Huỳnh Quang T1, sinh ngày 24/01/2009. Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025, cháu T1 có nguyện vọng được ở với cha là ông T, bà L thường hay bỏ nhà đi. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự

nguyện của ông T nên ghi nhận. Đối với các con chung Lê Thị Huỳnh L1 và Lê Thị Huỳnh M đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” của ông Lê Quang T đối với bà Huỳnh Thị L, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T được ly hôn với bà Huỳnh Thị L.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Lê Huỳnh Quang T1, sinh ngày 24/01/2009 cho ông Lê Quang T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Quang T về việc không yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Quang T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000 2011 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Quang T2 đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã An Lập (107.2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng